

Bản án số: **231/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/5/2022
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**, Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Diệu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị N**, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ 5, khu ĐV, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố HN.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ 5, khu ĐV, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị **Đỗ Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị N** và anh **Nguyễn Thanh S** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM, Tp. HN. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng 04 năm trở lại đây. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Thanh S**.

Về con chung: Chị và anh **S** có 02 con chung là **Nguyễn Hoàng H**, sinh ngày 28/7/2010 và **Nguyễn Đức N**, sinh ngày 19/9/2013. Khi ly hôn, chị **N** không

có nguyện vọng nuôi con. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh S là 2.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung, bắt đầu từ tháng 6/2022

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S xác nhận anh và chị Đỗ Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM, Tp. HN. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian, khoảng 04 năm trở lại đây chị N có đi xuất khẩu lao động vợ chồng xa cách nên tình cảm cũng phai nhạt dần. Hiện tại chị N đã về nước và anh chị cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đồng thời vợ chồng cũng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh S xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N có đơn xin ly hôn, anh S đồng ý

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 28/7/2010 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 19/9/2013. Hiện tại con chung đang sống cùng anh S và ông bà nội tại tổ 5, khu ĐV, thị trấn XM, huyện CM. Nếu ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi con. Chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung, anh nhất trí

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh S. Về con chung: chị N không có nguyện vọng nuôi con, nhường quyền nuôi 02 con chung cho anh S, và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh S cư trú tại tổ 5, khu ĐV, thị trấn XM, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định xét xử vụ án, anh S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N kết hôn với anh Nguyễn Thanh S trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM, Tp. HN nên hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị N, anh S và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh S phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng 04 năm trở lại đây. Trước yêu cầu của chị N xin ly hôn anh S đồng ý ly hôn và có đơn xin vắng mặt khi xét xử vụ án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị N xin ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị N và anh S xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 28/7/2010 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 19/9/2013, cháu H, cháu N có nguyện vọng được ở cùng anh S. Khi ly hôn anh S đề nghị được nuôi cả 02 cháu, chị N nhất trí.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung, bắt đầu từ tháng 6/2022, anh S nhất trí

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị N PH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 28/7/2010 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 19/9/2013 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng H số tiền 2.500.000 đồng/1 tháng, cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đức N số tiền 2.500.000 đồng/1 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, bắt đầu từ tháng 6/2022.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị N pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn và 300.000 đồng án phí phần cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075901 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN. Chị N còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, TP. Hà Nội

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND thị trấn XM (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng

